

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 389/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P1; Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà C, số H T, phường H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Không Vũ Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1; Địa chỉ: Tầng A, 2, 3 tòa G, C H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê mạnh H – Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoài N – Phó giám đốc khối kê toán cấp cao xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ phía Nam;

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Hà Mai P – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ -Ban xử lý nợ - Ngân hàng TMCP B.

Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1971; Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Tổ F, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là Tổ dân phố I, phường M, tỉnh Lâm Đồng).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần P1 do bà Nguyễn Hà Mai P đại diện theo uỷ quyền và ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị X tự nguyện, thoả thuận, thống nhất các nội dung như sau:

1. Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần P1 số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 14/8/2026, cụ thể:

1.1. Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số 0940/22/TD/XXII ký ngày 17/02/2022: Gốc: 741.677.000đồng, lãi là 198.147.129đồng (trong đó nợ lãi trong hạn: 164.151.075đồng, lãi quá hạn: 33.996.054đồng). Tổng cộng: 939.824.129đồng.

Kể từ ngày 15/8/2026, ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 0940/22/TD/XXII, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

1.2. Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 1486/24/TD/CN/046 ký ngày 29/03/2024: Gốc: 4.500.000.000đồng; Lãi 889.485.614đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 194.220.820đồng, lãi quá hạn: 695.264.794đồng). Tổng cộng: 5.389.485.614 đồng.

Kể từ ngày 15/8/2026, ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 1486/24/TD/CN/046, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp các hợp đồng tín dụng nêu trên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, thì kể từ ngày 15/8/2026, khoản tiền lãi mà ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần P1 được xác định theo mức lãi suất được điều chỉnh phù hợp với thoả thuận về điều chỉnh lãi suất trong từng hợp đồng tín dụng và tương ứng với thời gian chậm thanh toán, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3218/21/TC/XXII; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SĐBS.01-3218/21/TC/XXII; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số SĐBS.02-3218/21/TC/XXII; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SĐBS.03-3218/21/TC/XXII; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SĐBS.04-3218/21/TC/XXII để thu hồi nợ theo quy định.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X đối với Công ty Cổ phần P1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần P1.

4. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Công ty Cổ phần P1 đã tạm ứng nên ông T, bà X có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty Cổ phần P1 số tiền trên.

- *Về án phí:* Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị X phải chịu 57.164.655 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần P1 số tiền 56.950.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010926 ngày 10/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10;
- Thi hành án dân sự Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Lại